TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 221/2025/DSPT
Ngày 25/12/2025
Tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Thế Bình

+ *Các thẩm phán*: Ông Nguyễn Việt Hùng, bà Nguyễn Thị Hằng.

+ *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Lương Thất Tùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2025/TLPT-DS, ngày 27/10/2025 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*" đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DSST, ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2025/QĐXXPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa:

+ NguYT đơn: Bà Lê Thị T sinh năm 1968; Trú tại: Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

+ Bị đơn: Ông Lê Văn YT, sinh năm 1958; Trú tại: Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan:

1. Bà Ngô Thị H, sinh năm, 1961; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

2. Anh Lê Văn C, sinh năm 1980; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

3. Chị Đỗ Thị QƯ, sinh năm 1985; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

4. Anh Lê Văn QE, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn Cầu Trại, xã Việt Ngọc, huyện Tân YT, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

5. Chị Lê Thị HU, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn YT Viên, pH Vân QƯ, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị ƯE, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Mai Vũ, pH Vân QƯ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

7. Ông Lê Quang Sd, sinh năm 1964; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

8. Bà Lê Thị GF, sinh năm 1968; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

9. Bà Lê Thị HG, sinh năm 1972; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị ER, sinh năm 1940. Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị Gb, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn Mai Vũ, pH Vân QƯ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

12. Ông Lê Văn TQƯnh, sinh năm 1970; Trú tại: TDP Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh.(vắng mặt).

13. Bà QƯ Thị BV, sinh năm 1962 (vắng mặt).

14. Chị Lê QƯ Ly, sinh năm 1988 (vắng mặt).

15. Anh Lê Hồng Mn, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng Trú tại: Số nQƯ 107, Đường Văn Vỉ, khối Hoàng Hoa Thám, pH Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

16. Người kế thừa địa vị tố tụng của UBND pH Nếnh và UBND thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang là UBND pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh do ông Đỗ Văn Hậu- Phó Trưởng Phòng kinh tế hạ tầng và đô thị là đại diện theo ủy quyền (vắng mặt,)

Do có đơn kháng cáo của nguYT đơn là bà bà Lê Thị T; Kháng cáo của bị đơn là ông Lê Văn YT và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan đứng về phía bị đơn là bà Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024 và trong quá trình xét xử, nguYT đơn bà Lê Thị T trình bày: Ông nội bà là cụ Lê Văn Tỵ, sinh năm1910 (chết năm 1973) kết hôn với cụ Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1910 (chết ngày 06/11/2003) có với nhau 04 người con là:

1. Ông Lê Văn Nhận (bố bà), sinh năm 1932 (chết ngày 02/11/2006).

2. Bà Lê Thị Khoan, sinh năm 1938 (chết 2023).

3. Ông Lê Hồng Việt, sinh năm 1940 (chết 2009).

4. Bà Nguyễn Thị ƯE, sinh năm 1955.

+ Ông Lê Văn Nhận (bố bà), sinh năm 1932 (chết năm 2006) kết hôn với mẹ bà cụ Lê Thị Tý, sinh năm 1936 (chết ngày 05/02/2024) và có với nhau 02 người con (gồm 01 con con đẻ và một 01 con nuôi), cụ thể: Con đẻ là ông Lê Văn YT; Con nuôi là bà Lê Thị T.

Ông YT kết hôn với bà Ngô Thị H, sinh năm 1961 và có với nhau 3 người con:

1. Lê Văn C, sinh 1980.

2. Lê Văn QE, sinh 1983.

3. Lê Thị HU, sinh năm 1995.

Bà xây dựng gia đình năm 1986 và về nQƯ chồng từ năm 1986 đến nay.

+ Bà Lê Thị Khoan, sinh năm 1938 (chết 2023) kết hôn với ông Lê Hồng Tính, sinh năm 1939 (chết năm 1995) và có được 3 người con là:

1. Ông Lê Quang Sd, sinh năm 1964;

2. Bà Lê Thị GF, sinh năm 1968;

3. Bà Lê Thị HG, sinh năm 1972;

+ Ông Lê Hồng Việt, sinh năm 1940, chết 2009 kết hôn với Bà Nguyễn Thị ER, sinh năm 1940 và có được 3 người con:

1. Bà Nguyễn Thị Gb, sinh năm 1963;

2. Anh Lê Hồng Tiến, sinh năm 1963 (chết 2022).

3. Ông Lê Văn TQƯnh, sinh năm 1970;

Anh Lê Hồng Tiến kết hôn với chị QƯ Thị BV, sinh năm 1962 và có được 02 người con:

1. Chị Lê QƯ Ly, sinh năm 1988.

2. Anh Lê Hồng Mn, sinh năm 1996.

Cụ Năm, ông Nhận và bà Tý chết đi để lại nhưng không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 47 là của cụ Tỵ và cụ Cụ năm. Năm 2000 UBND huyện Việt YT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Q 784535 ngày 30/8/2000, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 02713, tên chủ sử dụng hộ ông Lê Văn YT.

Năm 2016 được cấp đổi tQƯnh Quyền sử dụng đất thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) được UBND huyện Việt YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460 ngày

31/10/2016 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT (viết tắt là Thửa đất số 47).

Tài sản trên đất hiện có 01 nQƯ cấp 4 bốn gian lợp ngói do cụ Năm, ông Nhận và bà Tý xây dựng năm 1976; 01 nQƯ 02 tầng do vợ chồng anh YT xây dựng năm 1987; 01 nQƯ cấp 4 ba gian nQƯ gỗ mái ngói do vợ chồng anh YT xây dựng năm 2020; 01 bếp mái tôn vợ chồng anh YT xây dựng năm 2020; 01 nQƯ vệ sinh mái tôn do vợ chồng anh YT xây dựng năm 2020; 01 cây bưởi; 01 cây sung; tường bao khoảng 7m do vợ chồng anh YT xây dựng năm 2020.

Việc UBND huyện Việt YT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 và cấp đổi năm 2016 cho hộ ông Lê Văn YT là không đúng đối tượng.

Bà xác định quyền sử dụng đất thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nQƯ gỗ cấp 4 bốn gian xây dựng năm 1976 là tài sản HG của cụ Năm, ông Nhận và bà Tý và là di sản thừa kế của cụ Năm, ông Nhận và bà Tý để lại.

Tại phiên toà bà T giữ nguYT yêu cầu khởi kiện yêu cầu toà án:

- Chia tài sản HG của cụ Năm, ông Nhận và bà Tý cho cụ Năm, ông Nhận và bà Tý mỗi người được 1/3 giá trị tài sản.

- Chia di sản thừa kế của cụ Năm chết đi để lại theo pháp luật là 1/3 Quyền sử dụng đất thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh)được UBND huyện Việt YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460 ngày 31/10/2016 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT. Chia cho QƯng thừa kế thứ nhất của cụ Năm (gồm ông Lê Văn Nhận, bà Lê Thị Khoan, ông Lê Hồng Việt và bà Nguyễn Thị ƯE) mỗi người được ¼ giá trị di sản.

- Chia di sản thừa kế của ông Nhận và bà Tý chết đi để lại theo pháp luật là 2/3 Quyền sử dụng đất thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2. Chia cho QƯng thừa kế thứ nhất của ông Nhận và bà Tý (gồm anh Lê Văn YT và chị Lê Thị T) mỗi người được 1/2 giá trị di sản.

Do bà Khoan chết 2023, chồng bà khoan là ông Tính chết năm 1995 nên di sản mà bà Khoan được hưởng của cụ Năm được chia cho QƯng thừa kế thứ nhất của bà Khoan là anh Sd, chị GF và chị HG mỗi người được 1/3 giá trị tài sản.

Do ông Việt chết 2009 nên di sản mà ông Việt được hưởng của cụ Năm được chia cho QƯng thừa kế thứ nhất của ông Việt là bà ER, chị Gb, anh Tiến và anh TQƯnh mỗi người được 1/4 giá trị tài sản.

Do anh Lê Hồng Tiến, sinh năm 1963, chết 2022 nên di sản mà anh Tiến được hưởng của ông Việt được chia cho QƯng thừa kế thứ nhất của anh Tiến là chị BV, cháu Ly và cháu Mn mỗi người được 1/3 giá trị tài sản.

Di sản thừa kế là ngôi nQƯ gỗ cấp 4 bốn gian xây dựng năm 1976 thì bà T không đề nghị chia do hết giá trị sử dụng.

Bà T đề nghị được chia bằng tiền. Tại phiên toà bà T giữ nguYT yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn YT vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Ông nội ông là cụ Lê Văn Tỵ (SN 1910, chết năm 1973)

Bà nội ông là cụ Nguyễn Thị Năm (SN 1910, chết năm 2003).

Hai cụ sinh được 4 người con:

1. Lê Văn Nhận, sinh năm 1932, chết 2006.
2. Lê Thị Khoan, sinh năm 1938, chết 2023.
3. Lê Hồng Việt, sinh năm 1940, chết 2009.
4. Nguyễn Thị ƯE, sinh năm 1955.

Bố ông là Lê Văn Nhận kết hôn với bà Lê Thị Tý (SN 1936, chết năm 2024) và có được 01 người con là ông Lê Văn YT (sinh năm 1958).

Năm 1972 ông Nhận bà Tý nhận bà T về nuôi, làm giấy khai sinh và cho ăn học.

Năm 1979 ông YT kết hôn với bà H và sinh được 3 người con:

1. Lê Văn C, sinh 1980.
2. Lê Văn QE, sinh 1983.
3. Lê Thị HU, sinh năm 1995.

Vợ chồng ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Với lý do:

Nguồn gốc Thửa đất số 47 không phải của cụ Năm mà nguồn gốc thửa đất là của hợp tác xã chia cho ông Nhận và bà Tý năm 1960. Đến năm 1980, khi đó ông đã kết hôn với bà H, ông Nhận và bà Tý đã cho vợ chồng ông thửa đất này. Đến năm 2000 hộ gia đình ông được nQƯ nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu diện tích 374m^2 thửa số 606 tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Việt YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 784535 ngày 30/8/2000 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT. Năm 2016 hộ gia đình ông được UBND huyện Việt YT cấp đổi lại tQƯnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460 ngày 31/10/2016,thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^{2}mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông năm 2000 (gồm ông YT, bà H, cháu Lê Văn C, Lê Văn QE và Lê Thị HU) là đúng trình tự thủ tục và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Ông xác định thửa đất trên không phải là di sản thừa kế mà là tài sản của hộ gia đình ông gồm ông YT, bà H, cháu Lê Văn C, Lê Văn QE và Lê Thị HU.

Từ năm 1980 đến nay vợ chồng ông cùng với ông Nhận và bà Tý ở ổn định không tranh chấp với ai.

Về tài sản trên đất:

01 nQU cấp 4 khung tre mái ngói diện tích 48m^2 do bố mẹ chồng ông là ông Nhận và bà Tý xây dựng năm 1976, được vợ chồng ông tu sửa năm 1995, năm 2015 và năm 2022.

01 nQU 2 tầng diện tích 38,5m^2 do vợ chồng ông xây dựng năm 1989.

01 nQU thờ diện tích 95m^2; sân gạch 86m^2 nQU cấp 4 nQU bếp diện tích 16,7m^2 và nQU tắm 10,4m^2 do vợ chồng ông xây dựng năm 2020.

Toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông, các con ông không có đóng góp gì.

Trong thời gian ở nQU ông đến khi đi lấy chồng năm 1986 thì bà T cũng không có đóng góp gì. Vợ chồng ông có công sức gìn giữ, duy trì, tôn tạo, tu sửa tài sản, đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của vợ chồng ông theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là bà Ngô Thị H có mặt tại phiên tòa trình bày:

Bà là vợ ông Lê Văn YT.

Năm 1979 bà kết hôn với ông YT và sinh được 3 người con:

1. Lê Văn C, sinh 1980.

2. Lê Văn QE, sinh 1983.

3. Lê Thị HU, sinh năm 1995.

Từ năm 1980 đến nay vợ chồng bà cùng với bố mẹ chồng ở ổn định không tranh chấp với ai.

Về tài sản trên đất:

01 nQU cấp 4 khung tre mái ngói diện tích 48m^2 do bố mẹ chồng ông là ông Nhận và bà Tý xây dựng năm 1976, được vợ chồng ông tu sửa năm 1995, năm 2015 và năm 2022.

01 nQU 2 tầng diện tích 38,5m^2 do vợ chồng ông xây dựng năm 1989.

01 nQU thờ diện tích 95m^2; sân gạch 86m^2 nQU cấp 4 nQU bếp diện tích 16,7m^2 và nQU tắm 10,4m^2 do vợ chồng ông xây dựng năm 2020.

Toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng bà xây dựng, các con bà không có đóng góp gì.

Bà và chồng bà ông YT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do:

Nguồn gốc Thửa đất số 47 không phải của cụ Năm mà nguồn gốc thửa đất là của hợp tác xã chia cho ông Nhận và bà Tý năm 1960. Đến năm 1980, khi đó ông đã kết hôn với bà H, ông Nhận và bà Tý đã cho vợ chồng ông thửa đất này. Đến năm 2000 hộ gia đình ông được nQƯ nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu diện tích 374m^2 thửa số 606 tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Việt YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 784535 ngày 30/8/2000 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT. Năm 2016 hộ gia đình ông được UBND huyện Việt YT cấp đổi lại tQƯnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460 ngày 31/10/2016,thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà năm 2000 (gồm ông YT, bà H, cháu Lê Văn C, Lê Văn QE và Lê Thị HU) là đúng trình tự thủ tục và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Từ năm 1980 đến nay vợ chồng bà cùng với bố mẹ chồng ở ổn định không tranh chấp với ai.

Mặt khác, bà T có về ở gia đình bà từ trước khi bà về làm dâu nQƯ ông YT nhưng không phải là con nuôi vì không làm thủ tục nhận con nuôi nên bà T không có quyền khởi kiện về chia thừa kế. Trong thời gian ở nQƯ ông YT thì bà T cũng không có đóng góp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là anh Lê Văn C, anh Lê Văn QE và Lê Thị HU vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Anh, chị là con của ông YT và bà H. Anh, chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguYT đơn bà Lê Thị T. Anh chị nhất trí với lời trình bày của ông YT và bà H với lý do đất này không phải là di sản thừa kế.

Bố mẹ anh, chị sinh được 3 người con:

1. Lê Văn C, sinh 1980.

2. Lê Văn QE, sinh 1983.

3. Lê Thị HU, sinh năm 1995.

Nguồn gốc thửa đất này là do ông Nhận và bà Tý cho ông YT và bà H. Năm 2000 ông YT và bà H đi kê khai để cấp giấy CNQSDĐ và được UBND huyện Việt

YT cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông YT gồm 5 tQƯnh viên là ông YT, bà H, anh C, anh QE và chị HU.

Việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình tôi năm 2000 là đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ tài sản trên đất do ông YT và bà H tạo dựng và xây dựng. các con không ai có đóng góp gì. Khi ông YT và bà H xây dựng nQƯ trên đất thì ông Nhận, bà Tý và bà T biết nhưng không ai phản đối gì.

Do công việc bận anh, chị xin phép vắng mặt khi Toà triệu tập, vắng mặt khi Toà án hoà giải và xét xử. Mọi văn bản tố tụng đề nghị Toà án giao cho ông YT và bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là Chị Đỗ Thị QƯ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Chị là vợ của anh Lê Văn C. Chị kết hôn với anh C năm 2009 và về làm dâu nQƯ ông YT ngay. Toàn bộ tài sản trên đất là do ông YT và bà H tạo lập, vợ chồng chị không có đóng góp gì mà hiện đang xây dựng nQƯ ở khu đất khác cùng tổ dân phố. Chị nhất trí với lời trình bày của ông YT, bà H và của chồng chị. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do có nhiều công việc bận, chị xin vắng mặt khi Toà án triệu tập, vắng mặt khi hoà giải và xét xử. Mọi văn bản tố tụng Toà án giao chị đề nghị giao cho ông YT hoặc bà H nhận thay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan bà Nguyễn Thị ƯE vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Bố bà là ông Lê Văn Tỵ (sinh năm 1910 chết năm 1973 mẹ bà là bà Nguyễn Thị Năm sinh năm 1910, chết năm 2003, bố mẹ bà sinh được 4 người con:

1. Lê Văn Nhận, sinh năm 1932 chết 2006.
2. Lê Thị Khoán, sinh năm 1938 chết 2023.
3. Lê Hồng Việt, sinh năm 1940 chết 2009.
4. Bà Nguyễn Thị ƯE, sinh năm 1955.

Khoảng năm 1960 Hợp tác xã Ninh Khánh giao cho bố mẹ bà là ông Tỵ và bà Năm thửa đất số 47, không phải giao cho ông Nhận và bà Tý.

Vào khoảng năm 1957 ông Nhận kết hôn với bà Tý và sinh được ông Lê Văn YT (sinh năm 1958), còn bà T (sinh năm 1968) là con nuôi của ông Nhận và bà Tý nhận về nuôi từ bé. Vào năm 1973 ông Tỵ chết, bà Khoan và bà ƯE đi lấy chồng và ở nQƯ chồng, ông Việt đã lấy vợ và được xã cấp đất cho ở riêng. Chỉ còn lại bà Năm ông Nhận và bà Tý ở trên đất. Năm 2000 hộ ông YT được cấp giấy CNQSDĐ thì bà không được biết. Trên đất có 01 nQƯ cấp 4 mái ngói do ông Nhận và bà Tý làm năm 1976; 01 nQƯ hai tầng và nQƯ thờ là do ông YT và bà H làm. Việc xây

dựng bà không phản đối gì. Nếu được chia thừa kế của cụ Năm để lại bà đồng ý nhận và tặng cho lại chị T. Bà xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan ông Lê Quang Sd, bà Lê Thị GF và bà Lê Thị HG vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Bà Lê Thị Khoan (sinh năm 1938 mất năm 2023) là con của cụ Năm và cụ Tỵ.

Bà Khoan kết hôn với ông Lê Hồng Tính (sinh năm 1939 mất năm 1995) và sinh được 3 người con là:

1. Ông Lê Quang Sd, sinh năm 1964;

2. Bà Lê Thị GF, sinh năm 1968;

3. Bà Lê Thị HG, sinh năm 1972;

Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Trường hợp bà Khoan được chia di sản thừa kế và ông Sd, bà GF và bà HG được chia di sản thừa kế do của bà Khoan chuyển tiếp cho thì đồng ý nhận và tặng cho lại bà Lê Thị T. Mọi giấy tờ văn bản tố tụng do Toà án gửi cho ông bà uỷ quyền cho bà T nhận thay. Do các ông bà có công việc bận nên xin phép vắng mặt khi Toà án triệu tập, vắng mặt khi hoà giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan bà Nguyễn Thị ER vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Chồng bà là ông Lê Hồng Việt, sinh năm 1940 (chết 2009) là con của cụ Lê Văn Tỵ sinh năm 1910, chết năm 1973 và cụ Nguyễn Thị Năm sinh năm 1910, chết năm 2003.

Vợ chồng bà có được 3 người con:

1. Bà Nguyễn Thị Gb, sinh năm 1963;

2. Anh Lê Hồng Tiến, sinh năm 1963, chết 2022.

3. Ông Lê Văn TQƯnh, sinh năm 1970;

Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguYT đơn bà Lê Thị T.

Trường hợp chồng bà là Lê Hồng Việt được chia di sản thừa kế từ mẹ là cụ Nguyễn Thị Năm để lại và bà được chia di sản thừa kế do chồng bà là ông Việt chuyển tiếp cho bà. Bà đồng ý nhận và tặng cho lại bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan bà Nguyễn Thị Gb và ông Lê Văn TQƯnh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Bố ông, bà là ông Lê Hồng Việt, sinh năm 1940 (chết 2009) là con của cụ Năm và cụ Tỵ.

Bố mẹ ông, bà có được 3 người con:

1. Bà Nguyễn Thị Gb, sinh năm 1963;

2. Ông Lê Hồng Tiến, sinh năm 1963, chết 2022.

3. Ông Lê Văn TQƯnh, sinh năm 1970;

Trường hợp ông Việt được chia di sản thừa kế của cụ Năm và ông, bà được chia di sản thừa kế do ông Việt chuyển tiếp cho. Ông, bà đồng ý nhận và tặng cho lại bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan Bà QƯ Thị BV, Chị Lê QƯ Ly và Anh Lê Hồng Mn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Ông Lê Hồng Tiến, sinh năm 1963 (chết 2022) là con của ông Lê Hồng Việt và bà Nguyễn Thị ER.

Ông Lê Hồng Tiến kết hôn với bà QƯ Thị BV và có được 02 người con:

1. Chị Lê QƯ Ly, sinh năm 1988.

2. Lê Hồng Mn, sinh năm 1996.

Bà BV chị Ly và anh Mn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguYT đơn bà Lê Thị T.

Trường hợp ông Tiến được chia di sản thừa kế và bà BV, chị Ly và anh Mn được chia di sản thừa kế do ông Tiến chuyển tiếp cho. Bà BV, chị Ly và anh Mn đồng ý nhận và đề nghị được chia bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là UBND pH Nếnh do ông Đỗ Văn Hậu – Phó Trưởng Phòng kinh tế hạ tầng và đô thị là đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Thửa đất số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ nay là: Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh có nguồn gốc là của ông Lê Văn Nhận (sinh năm 1932, chết 2006) và bà Lê Thị Tý (SN 1936, chết năm 2024). ông Nhận và bà Tý ở trên đất đến khi chết.

Năm 2000 hộ khẩu hộ gia đình ông Lê Văn Nhận gồm có 3 nhân khẩu (bà Nguyễn Thị Năm (mẹ ông Nhận), ông Lê Văn Nhận, bà Lê Thị Tý (vợ ông Nhận).

Năm 2000 hộ khẩu hộ gia đình ông ông Lê Văn YT gồm có 5 nhân khẩu (ông Lê Văn YT (chủ hộ), bà Ngô Thị H, anh Lê Văn C, anh Lê Văn QE và chị Lê Thị H).

Năm 2000, ông YT kê khai cấp GCN QSD đất, được UBND huyện Việt YT cấp GCN QSD đất số số Q 784535 ngày 30/8/2000, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 02713, tên chủ sử dụng hộ ông Lê Văn YT. Năm 2016 được UBND huyện Việt YT cấp đổi tQƯnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460 ngày 31/10/2016, thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m2 mang tên người sử dụng: hộ ông Lê Văn YT.

Hiện tại sổ mục kê theo dõi đất đai do lâu ngày không còn lưu giữ.

Tài sản trên đất hiện có 01 nQƯ cấp 4 bốn gian lợp ngói do ông Nhận và bà Tý xây dựng khoảng năm 1976; 01 nQƯ 02 tầng do vợ chồng ông YT xây dựng khoảng năm 1980 - 1995; 01 nQƯ cấp 4 ba gian nQƯ gỗ mái ngói (nQƯ thờ) 01 bếp mái tôn, 01 nQƯ vệ sinh mái tôn, tường bao do vợ chồng ông YT xây dựng năm 2020.

Trên cơ sở kết quả xác ƯE của TAND khu vực 2 – Bắc Ninh và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông YT do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì thửa đất có nguồn gốc do Hợp tác xã Ninh khánh giao cho ông Lê Văn Nhận và bà Lê Thị Tý; Hồ sơ cũng không có giấy tờ chuyển giao quyền sử dụng đất hoặc ủy quyền kê khai cấp GCN của ông Nhận và bà Tý cho hộ ông Lê Văn YT. Do đó việc cấp GCN QSD đất cho hộ ông Lê Văn YT là không đúng đối tượng và thuộc trường hợp thu hồi GCN QSD đất theo Điều 152 Luật Đất đai năm 2024.

Tuy nhiên để giải quyết dứt điểm vụ việc, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiền QUnh thu thập tài liệu chứng cứ là biên bản thẩm định và định giá tài sản như sau:

- Đất ở thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, địa chỉ xóm 1, pH Ninh Khánh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang được cấp GCNQSD đất số CE211460, số vào sổ CH 02238, quyết định số 809 QĐ-UBND ngày 31/10/2016 mang tên hộ ông Lê Văn YT.

- Thửa đất có các cạnh giáp ranh như sau:

Phía tây: Giáp đường ngõ

Phía đông: Giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn Mạnh

Phía Nam: Giáp đất hộ gia đình ông Đỗ Đức Năm

Phía Bắc: Giáp đất hộ gia đình ông Lê Văn Thuận, ông Lê Văn Thể.

- Đất tranh chấp là đất ở đô thị tại xóm 1, pH Ninh Khánh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang thuộc vị trí 1, đường trong ngõ xóm còn lại của các tổ dân phố có giá 8.000.000đ/m^2.

Tính theo giá thị trường là 393,6m^2 x 8.000.000đ/m^2 = 3.148.800.000đồng.

* Về tài sản trên đất:

01 nQƯ cấp 4 loại 1 (nQƯ gỗ) xây dựng năm 2019, hội đồng không định giá, ông YT xác định tại thời điểm xây dựng có giá trị là 3.700.000.000đồng.

01 nQƯ 2 tầng (nQƯ cấp 3 loại 2) xây dựng năm 1989, cải tạo năm 2019, giá trị sử dụng còn lại là 40%, đơn giá là 4.800.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 38,5m^2 x 4.800.000đồng/m^2 x 40% = 73.920.000đồng.

01 nQƯ cấp 4 loại 2 xây dựng năm 1974, cải tạo năm 2023, giá trị sử dụng còn lại là 30%, đơn giá là 2.940.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 48,0m^2 x 2.940.000đồng/m^2 x 30% = 42.336.000đồng.

01 phần bán mái tôn (trước nQƯ cấp 4) xây dựng năm 2016, giá trị sử dụng còn lại sau khấu hao là 40%, đơn giá 130.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 34,9m^2 x 130.000đồng/m^2 x 40% = 1.814.800đồng.

01 nQƯ cấp 4 loại 1, xây dựng năm 2019, giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá là 3.500.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 16,7m^2 x 3.500.000đồng/m^2 x 70% = 40.915.000đồng.

02 nQƯ vệ sinh loại B xây dựng năm 2019, giá trị năm 2019, giá trị sử dụng còn lại là 70%, có đơn giá là 970.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 10,4m^2 x 970.000đồng/m^2 x 70% = 7.061.600đồng.

01 sân gạch lát gạch lá men xây dựng năm 2019, giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá 140.000đ/m^2.Giá trị còn lại sau khấu hao là 86,4m^2 x 140.000đồng/m^2 x 70% = 8.467.200đồng.

01 công xây dựng năm 2019, giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá 480.000đ/m^2. Giá trị còn lại sau khấu hao là 6,2m^2 x 480.000đồng/m2 x 70% = 2.083.200đồng.

02 cây vú sữa đường kính gốc 27cm có đơn giá là 2.464.000đồng/cây.

2 cây x 2.464.000đ/cây = 4.928.000đồng.

01 cây bưởi đường kính gốc 22cm có đơn giá là 2.954.000đồng/cây = 2.954.000đồng.

01 cây sung đường kính gốc 60cm có đơn giá là 555.000đ/cây = 555.000đ

Tổng giá trị tài sản trên đất là 3.885.034.800đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 7.033.834.800đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến QƯnh xác UE thu thập chứng cứ như sau:

Bà Đỗ Thị Nghi cho biết như sau: Vào khoảng năm 1960 gia đình bà với gia đình ông Nhận được hợp tác xã giao cho mảnh đất hiện ông YT và H đang sử dụng. Do diện tích đất nhỏ khoảng 8 thước nên gia đình bà không lấy và được hợp tác xã Ninh Khánh chia cho chỗ khác cùng thôn và rộng hơn, còn lại ông Nhận được chia và được sử dụng cả khoảng 1 sào 1 thước rưỡi. Ông Nhận và bà Tý ở trên đất đến lúc chết. Hiện nay ông Nhận là ông YT và bà H đang sử dụng đất.

Lời khai của bà Lê Thị Túc: Bà xác nhận năm 1960 gia đình bà cùng gia đình ông Lê Văn Nhận và vợ là Lê Thị Tý được hợp tác xã giao cho thửa đất ở cùng với ông Đỗ Văn Nhiên và vợ Lê Thị Cúc sát nhau. Diện tích hiện nay ông YT

và H đang ở không phải của cụ Lê Văn Tỵ và cụ bà Nguyễn Thị Năm để lại cho con là Lê Văn Nhận và bà Lê Thị Tý, vì lúc đó hai cụ vẫn đang ở nhờ đất của cụ Đỗ Văn Măng, năm 1962 hai cụ mới ra ở cùng với ông Nhận và bà Tý. Đến năm 1972 ông Nhận và Tý mới xin một người con gái nuôi lúc đó mới 5 tuổi rồi đặt là Lê Thị T.

Lời khai của chị Lê Thị Năm: Chị Năm là vợ anh Lê Văn QE. Chị Năm kết hôn với anh QE năm 2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở riêng tại thôn Cầu Trại, xã Việt Ngọc, huyện Tân YT, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn Cầu Trại, xã Việt Ngọc, huyện Tân YT). Chị Năm được biết năm 2000, hộ ông YT được nQƯ nước cấp giấy CNQSDĐ trong đó có anh QE là tQƯnh viên gia đình. việc khởi kiện, chị Năm không Gb quan gì, tài sản trên đất do ông YT và bà H tạo lập, vợ chồng chị Năm không có đóng góp gì. Đề nghị Toà án không đưa chị Năm vào tham gia tố tụng.

Xác ƯE với Công an pH Nếnh cho biết như sau: Tại tờ số 21 số thứ tự 28 thôn Ninh Khánh, xã Hoàng Ninh (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh) đăng ký ngày 07 tháng 4 năm 1996 thì hộ gia đình ông Lê Văn YT, sinh năm 1958 gồm:

Ông Lê Văn YT, sinh năm1958 là chủ hộ;

Bà Ngô Thị H, sinh năm1961 là vợ ông YT;

Anh Lê Văn C, sinh năm 1980; là con ông YT.

Anh Lê Văn QE, sinh năm 1983; là con ông YT.

Bà Lê Thị HU, sinh ngày năm 1995; là con ông YT.

Với nội dung như đã nêu, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DSST, ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 152 Luật Đất đai năm 2024; điểm đ Điều 12; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án, xử**:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguYT đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Lê Văn YT về việc chia thừa kế tài sản.

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460; số vào sổ CH 02238 được UBND huyện Việt YT cấp cho hộ ông Lê Văn YT ngày 31/10/2016 đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).

- Chia cho bà Lê Thị T bằng tiền 787.200.000 đồng (Bẩy trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng; tương đương 98,4m^2).

- Giao cho ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H được quản lý sử dụng thửa số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh). Ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trích trả phần di sản thừa kế được nhận cho bà Lê Thị T là 787.200.000 đồng (Bẩy trăm tám mươi bẩy triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuYT nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán trả tiền, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, cùng ngày 15/9/2025 bị đơn là ông Lê Văn Lê và người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan đứng về phía bị đơn là bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là di sản thừa kế của cụ Nhận, cụ Tý và chia thừa kế cho bà T được hưởng di sản thửa kế với giá trị di sản được nhận là 787.200.000đồng là không đúng.

Ngày 29/9/2025 nguYT đơn là bà Lê Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế cho bà được nhận 1/3 diện tích của Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, có tổng diện tích 393,6m^2 tương ứng giá trị thừa kế được nhận là 1.049.600.000đ với căn cứ: khi chia thừa kế tòa án cấp sơ thẩm trích trả công sức quản lý di sản cho vợ chồng ông YT, bà H bằng 1/2 giá trị di sản là quyền sử dụng đất Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là là quá cao, không phù hợp với GF tế, thời gian, công công sức quản lý di sản của vợ chồng ông YT.

Tại phiên tòa nguYT đơn là bà Lê Thị T xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, bị đơn là ông Lê Văn YT được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do sd đáng hay vì sự kiện bất khả kháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan là bà Ngô Thị H giữ nguYT đơn kháng cáo và căn cứ kháng cáo. Các đương sự không thương lượng được với nhau về các vấn đề của vụ án.

Trong phần tranh luận bà H đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T với căn cứ: Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận Thửa đất số số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 là di sản thừa kế do cụ Nhận, cụ Tý để lại và chia thừa kế là không đúng, đúng xâm phạm quyền lợi của vợ chồng bà. Vì khi bố, mẹ chồng là cụ Nhận, cụ Tý còn sống đã tuYT bố cho vợ chồng ông bà nQƯ đất, quá trình sử dụng vợ chồng bà đã xây dựng nQƯ ở và các công trình trên đất và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, năm 2000 được UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi vợ bà

xây dựng nQƯ ở và các công trình trên đất và đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất bố, mẹ chồng bà và những người khác trong gia đình không có ai phản đối gì, vợ chồng bà sử dụng nQƯ, đất được tặng cho Gb tục, công khai, ổn định từ năm 1980 đến nay nên theo quy định của pháp luật phải coi như vợ chồng bà đã được cụ Nhận, cụ Tý tặng cho nQƯ, đất trên GF tế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nQƯ đất là di sản thừa kế của cụ Nhận, cụ Tý để lại sau khi chết và chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, trong khi bà T tuy được bố mẹ chồng bà là cụ Nhận, cụ Tý nhận nuôi từ nhỏ song không làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định của pháp luật là không đúng.

Bà T khẳng định bà được cụ Nhận, cụ Tý nhận nuôi và được hai cụ chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi còn nhỏ cho đến khi trưởng tQƯnh xây dựng gả chồng cho bà, việc cụ Nhận, cụ Tý khi nhận bà làm con nuôi có làm thủ tục đăng ký nhận con nuôi hay không thì bà không biết nhưng việc bà được hai cụ nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi mới lọt lòng cho đến khi trưởng tQƯnh và đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật là sự thật, ai cũng biết, bà T cho rằng bà là con nuôi nên không được hưởng di sản của bố mẹ nuôi trong khi giữa bà và bố, mẹ nuôi là cụ Nhận, cụ Tý có mối quan hệ hệ chăm sóc, nuôi dưỡng lẫn nhau như cha, con mẹ con là không đúng.

Về nguồn gốc Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 do khi làm đơn khởi kiện bà lầm tưởng thửa đất là tài sản HG của cụ Nhận, cụ Tý và cụ Năm nên bà có yêu cầu chia tài sản HG và chia thừa kế của cụ Nhận, cụ Tý, cụ Năm để lại cho những người thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án qua điều tra, xác ƯE nguồn gốc thửa đất bà mới biết thửa đất là do địa QE cấp cho cụ Nhận, cụ Tý là tài sản HG của cụ xác định Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là tài sản HG và là di sản của bố mẹ bà là cụ Nhận, cụ Tý để lại và yêu cầu chia thừa kế di sản cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến trình bày của bà H cho rằng khi bố mẹ bà là cụ Nhận, cụ Tý còn sống đã tuYT bố cho vợ chồng ông YT, bà H (anh trai bà) nQƯ, đất là không đúng. Cụ Nhận, cụ Tý khi còn sống chỉ có duy nhất nQƯ đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, hai cụ sống cùng vợ chồng ông YT, bà H trên thửa đất cho đến khi qua đời, tuy cùng HG sống nhưng bố, mẹ bà sống, ăn ở riêng, độc lập với gia đình ông YT. Bà T đề nghị Tòa án bác đơn kháng cáo của bà H giữ nguYT bản án sơ thẩm. Ngoài ra bà T có ý kiến đề nghị tòa án xem xét hoàn trả lại cho bà số tiền tạm ứng còn lại đã nộp.

Cũng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá việc chấp QƯnh và GF hiện pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa các tQƯnh viên hội đồng xét xử và thư

ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp QƯnh các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguYT đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan là bà H là đúng pháp luật, việc chấp QƯnh và GF hiện pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan còn lại là chưa tuân thủ đúng pháp luật. Đại diện VKSND đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 148, 289, 295, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị T và kháng cáo của ông Lê Văn YT; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngô Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DSST, ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh. Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 152 Luật Đất đai năm 2024. Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460; số vào sổ CH 02238được UBND huyện Việt YT cấp cho hộ ông Lê Văn YT, ngày 31/10/2016 đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý để lại sau khi chết là quyền sử dụng Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 có địa chỉ tại: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) có giá trị theo kết luận định giá là: 3.148.800.000đồng.

2.1. Sau khi trích trả công sức trông nom quản lý di sản cho vợ chồng ông Lê Văn YT bằng 1/2 giá trị di sản thừa kế tương ứng 196,8m^2 đất có giá trị 1.574.400.000 đồng. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tỷ để lại sau khi chết còn là: 393,6m^2 - 196,8m^2 = 196,8m^2, tương ứng giá trị là: 1.574.400.000đồng.

2.2. Xác nhận cụ Lê Văn Nhận chết năm 2006, cụ Lê Thị Tý chết năm 2024, không để lại di chúc, người được nhận di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Thận, cụ Tý là: Ông Lê Văn YT và bà Lê Thị T.

2.3. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý cho người nhận thừa kế là ông Lê Văn YT và bà Lê Thị T, Ông YT và bà T, mỗi thừa kế được

hưởng 146,8m^2 : 2 = 98,4m^2 đất, tương ứng giá trị được hưởng là 787.200.000/đồng/người.

2.4. Giao cho ông Lê Văn YT và vợ là bà Ngô Thị H được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích của Thửa đất số số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 cùng công trình xây dựng và cây cối lâm lộc trên đất, có địa chỉ tại: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) đứng tên hộ ông Lê Văn YT trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/10/2016

- Ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trích trả cho bà Lê Thị T kỷ phần thừa kế được nhận với tiền là: 787.200.000đồng.

2,5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi QƯnh án của người được thi QƯnh án cho đến khi thi QƯnh xong tất cả các khoản tiền, QƯng tháng người phải thi QƯnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi QƯnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lê Văn YT phải chịu 7.500.000 đồng; Bà Lê Thị T chịu 2.500.000đồng. Xác nhận bà T đã nộp xong tiền chi phí tố tụng. ông Lê Văn YT phải có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả lại cho bà T số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản mà bà T đã ứng là: 7.500.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 35.488.000đồng án phí DSST. Xác nhận bà Lê Thị T đã nộp 53.542.940đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0001346, ngày 20/12/2024 của Chi cục thi QƯnh án dân sự huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang, sau khi đối trừ bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 18.054.940đồng:

- Miễn án phí DSST cho ông Lê Văn YT do là người cao tuổi.

5. Án phí DSPT: Do kháng cáo của bà Ngô Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí DSPT.

- Miễn án phí DSPT cho ông Lê Văn YT.

- Do bà T xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa theo quy định bà T phải chịu DSPT, xác nhận bà T đã nộp đủ 300,000đ án phí DSPT Theo Biên lai thu số: 0000899, ngày 29/9/2025 của Thi QƯnh án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T thấy, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 2- Bắc Ninh) xem xét chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 tại: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, TX việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) đang do vợ chồng ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H (anh trai bà T) trực tiếp quản lý, sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/10/2016 công nhận hộ ông Lê Văn YT có quyền sử dụng Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 với căn cứ: Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là đất của ông bà nội bà là cụ Lê Văn Tỵ và cụ Nguyễn Thị Năm tạo dựng được khi còn sống, sau khi cụ Tỵ qua đời để lại cho cụ Năm và bố mẹ bà là cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý sử dụng và đã xây dựng nQƯ ở trên đất. Sau khi bà nội và bố mẹ bà chết tài sản là thửa đất số 47 tiếp tục do vợ chồng và gia đình ông Lê Văn YT quản lý sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T xác định tài sản là Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 293,6m^2 đứng tên hộ ông Lê Văn YT trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp đổi ngày 31/10/2016 là tài sản HG theo phần của cụ Năm, cụ Nhận, cụ Tý. Đề nghị tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang đã cấp cho hộ ông Lê Văn YT đối với thửa đất và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do cụ Năm, cụ Nhận, cụ Tý để lại sau khi chết cho những người được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, trên cơ sở xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng tài sản là Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 thấy: Thửa đất số 47, tờ bản đồ 50 có nguồn gốc do bố mẹ của ông YT, bà T là cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định của pháp luật đây là tài sản HG hợp nhất của cụ Nhận và cụ Tý không phải là tài sản HG theo phần của cụ Năm, cụ Nhận, cụ Tý như bà T trình bày. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là tài sản HG và là di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận, sinh năm 1932- Chết năm 2006 và cụ Lê Thị Tý, sinh năm 1936- Chết năm 2024 để lại và chia di sản thừa kế cho những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật do người để lại di sản không lập di chúc định đoạt tài sản là phù hợp với quy định tại các Điều 623, 649, 650, 651 của BLDS, Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp chia di sản thừa kế"* và thụ lý, xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

Xét đơn kháng cáo của nguYT đơn là bà Lê Thị T, đơn kháng cáo của bị đơn là ông Lê Văn YT và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là bà Ngô Thị H là phù hợp với quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và thủ tục kháng cáo được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 274 của BLTTDS nên đơn kháng cáo của các đương sự có tên là hợp lệ được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Văn YT, những người có quyền lợi, nghĩa vụ Gb quan là: Anh C, chị QƯ, anh QE, bà ƯE, ông Sd, bà GF, bà HG, bà Gb, bà ER, ông TQƯnh, bà BV, chị Ly, anh Mn và đại diện UBND pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh do ông Đỗ Văn Hậu- Phó Trưởng Phòng kinh tế hạ tầng và đô thị là đại diện được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do sd đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, Căn cứ Điều 296 của BLTTDS hội đồng tiến QƯnh xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Do người kháng cáo là ông Lê văn YT đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do sd đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, bản thân ông YT không có đơn đề nghị tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Việc ông YT không đến tham gia phiên tòa được coi là ông YT từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ quy định của BLTTDS tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn YT.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, xét việc rút đơn kháng cáo của bà T là tự nguyện, căn cứ quy định của pháp luật Tòa án đình chỉ chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T.

[2]. Về nội dung: Xét nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng tài sản là Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 tại khu phố Ninh Khánh, P Nếnh, tỉnh Bắc Ninh, đứng tên hộ ông Lê Văn YT trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp đổi ngày 31/10/2016, có giá trị theo Kết luận định giá là: 393,6m^2 x 8.000.000đ/m^2 = 3.148.800.000 đồng hiện đang do vợ chồng ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H quản lý, sử dụng thấy:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm cả nguYT đơn là bà T, bị đơn là ông YT, người có quyền lợi nghĩa vụ Gb quan đứng về phía bị đơn là bà H do đều thừa nhận Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 tại Thôn Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh có nguồn gốc là đất do địa pH cấp, giao cho cho cụ Nhận, cụ Tý là bố, mẹ các đương sự, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng ƯE.

2.1 Xét kháng cáo của bà Ngô Thị H: Bà H cho rằng tòa án cấp sơ thẩm nhận định và xác định Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là di sản thừa kế của cụ

Nhận, cụ Tý để lại sau khi chết và chia thừa kế cho bà T là con nuôi được hưởng di sản của bố, mẹ nuôi là không đúng pháp luật với căn cứ: Khi cụ Nhận, cụ Tý là bố mẹ đẻ ông YT còn sống đã tuYT bố cho vợ chồng ông YT, bà H toàn bộ diện tích thửa đất, quá trình sử dụng vợ chồng bà H đã xây dựng nQƯ ở và các công trình trên đất và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, năm 2000 được UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông bà xây dựng nQƯ ở và các công trình trên đất và đăng ký kê khai đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Nhận, cụ Tý và các những người khác trong gia đình biết không phản đối gì. Ông, bà sử dụng nQƯ, đất Gb tục, công khai, ổn định từ năm 1980 đến nay nên theo quy định của pháp luật và tinh thần của Án lệ số: 03/2016/AL của HĐTP- TAND tối cao thì phải coi vợ chồng ông, bà đã được bố mẹ tặng cho nQƯ, đất trên GF tế. Sau khi xem xét, đánh giá các căn cứ do ông YT, bà H nêu, hội đồng xét xử thấy: Ông YT và bà H trình bày khi bố, mẹ ông YT là cụ Nhận, cụ Tý còn sống đã tuYT bố cho vợ chồng ông bà nQƯ đất là Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 song, ông YT, bà H không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì thể hiện ý chí của cụ Tý, cụ Nhận khi còn sống đã tặng cho vợ chồng tài sản là quyền sử dụng đất. Ông YT, bà H có viện dẫn các tình tiết, sự kiện pháp lý được nêu mô tả tại Án lệ số 03/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao để cho rằng khi còn sống bố mẹ là cụ Nhận, cụ Tý đã tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất trên GF tế cho vợ chồng. Theo **Khái quát nội dung của án lệ số 03/2016 quy định thì "***Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng, nQƯ kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nQƯ thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nQƯ, đất Gb tục, công khai, ổn định và đã tiến QƯnh việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất".* Đối chiếu tinh thần khái quát nội dung án lệ số 03 như viện dẫn với GF tế quá trình quản lý, sử dụng và đăng ký khai khai quyền sử dụng đất của vợ chồng ông YT, bà H thấy: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận khi cụ Nhận, cụ Tý còn sống 02 cụ chỉ tạo dựng được duy nhất 01 thửa đất là thửa số 47, tờ bản đồ số 50 và 02 cụ sống và ở trên thửa đất này cùng vợ chồng và gia đình ông YT cho đến khi chết, theo tinh thần của án lệ thì phần diện tích đất bố mẹ cho vợ chồng người con là tách bạch với đất của bố mẹ nên ông YT, bà H viện dẫn tinh thần của án lệ để cho rằng vợ chồng được bố mẹ cho đất là không có cơ sở. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T với tư cách là con nuôi của cụ Nhận, cụ Tý, được cụ Nhận,cụ Tý nuôi từ nhỏ và được hai cụ kê khai

đứng tên là bố mẹ trên giấy khai sinh Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là tài sản HG và là di sản thừa kế của cụ Nhận, cụ Tý để lại sau khi chết và chia di sản thừa kế cho bà T là con nuôi hợp pháp được nhận di sản thừa kế do bố, mẹ nuôi để lại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung Gb quan đến việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn YT, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xét xét nguồn gốc quá trình quản lý, sử dụng di sản và chia thừa kế di sản do cụ Nhận, cụ Tý để lại đã giao toàn bộ di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 đang đứng tên hộ ông Lê Văn YT trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc người nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là vợ chồng ông YT, bà H phải có trách nhiệm trích trả cho người được hưởng di sản thừa kế là bà Lê Thị T di sản thừa kế được nhận bằng giá trị là có lý có tình và phù hợp với GF tế sử dụng quản lý di sản của người đang quản lý di sản và được hưởng quyền thừa kế. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại tuYT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CE 211460 do UBND huyện Việt YT cấp ngày 31/10/2016 đứng tên hộ ông Lê Văn YT đối với Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50 là mâu thuẫn, chưa thống nhất với quy định của pháp luật, cần chấp nhận kháng cáo của bà H sửa bản án theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CE 211460; Số vào sổ: CH02238được UBND huyện Việt YT cấp cho hộ ông Lê Văn YT, ngày 31/10/2016 đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).

2.2. Tại phiên tòa tuy bà Lê Thị T xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, song bà T có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét hoàn trả lại cho bà số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà đã nộp. Xét khi quyết định về nghĩa vụ chịu án phí DSST của người được hưởng di sản là bà Lê Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí DSST theo mức có giá ngạch tương ứng với giá trị di sản được hưởng với số tiền án phí sơ thẩm phải nộp là: 35.488.000đ là đúng, nhưng tòa không đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001346 ngày 20/12/2024 của Cục Thi chi cục THADS huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang để hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí còn lại là thiếu sót, chưa đầy đủ.

Với thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm như đã nêu, thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm số: 61/2025/DSST, ngày 15/0/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh theo các nội dung đã phân tích, nhận định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định của pháp luật người kháng cáo là bà H không phải chịu án phí DSPT.

Đối với kháng cáo của ông YT và kháng cáo của bà T do Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông YT và kháng cáo của bà T, theo quy định ông YT và bà T phải chịu án phí DSPT. Do ông YT là người cao tuổi nên miễn cho ông YT số tiền án phí phúc thẩm phải nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, 289, 295, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị YT và kháng cáo của ông Lê Văn YT;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngô Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DSST, ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh. Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 152 Luật Đất đai năm 2024. Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 211460; số vào sổ CH 02238được UBND huyện Việt YT cấp cho hộ ông Lê Văn YT, ngày 31/10/2016 đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2, địa chỉ: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý để lại sau khi chết là quyền sử dụng Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 có địa chỉ tại: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) có giá trị theo kết luận định giá là: 3.148.800.000đồng.

2.1. Sau khi trích trả công sức trông nom quản lý di sản cho vợ chồng ông Lê Văn YT bằng 1/2 giá trị di sản thừa kế tương ứng 196,8m^2 đất có giá trị 1.574.400.000 đồng. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tỷ

để lại sau khi chết còn là: 393,6m^2 - 196,8m^2 = 196,8m^2, tương ứng giá trị là: 1.574.400.000đồng.

2.2. Xác nhận cụ Lê Văn Nhận chết năm 2006, cụ Lê Thị Tý chết năm 2024 không để lại di chúc, người được nhận di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Thận, cụ Tý là: Ông Lê Văn YT và bà Lê Thị T.

2.3. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Nhận và cụ Lê Thị Tý cho người nhận thừa kế là ông Lê Văn YT và bà Lê Thị T. Ông YT và bà T, mỗi thừa kế được hưởng 146,8m^2 : 2 = 98,4m^2 đất, tương ứng giá trị được hưởng là 787.200.000/đồng/người

2.4**.** Giao cho ông Lê Văn YT và vợ là bà Ngô Thị H được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích của Thửa đất số số 47, tờ bản đồ số 50, diện tích 393,6m^2 cùng công trình xây dựng và cây cối lâm lộc trên đất, có địa chỉ tại: Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, thị xã Việt YT, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ninh Khánh, pH Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) đứng tên hộ ông Lê Văn YT trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/10/2016

- Ông Lê Văn YT và bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trích trả cho bà Lê Thị T kỷ phần thừa kế được nhận với tiền là: 787.200.000 đồng.

2.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi QƯnh án của người được thi QƯnh án cho đến khi thi QƯnh xong tất cả các khoản tiền, QƯng tháng người phải thi QƯnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi QƯnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lê Văn YT phải chịu 7.500.000 đồng; Bà Lê Thị T chịu 2.500.000đồng. Xác nhận bà T đã nộp xong tiền chi phí tố tụng, ông Lê Văn YT phải có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả lại cho bà T số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản mà bà T đã ứng là: 7.500.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 35.488.000đồng án phí DSST. Xác nhận bà Lê Thị T đã nộp 53.542.940 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0001346, ngày 20/12/2024 của Chi cục thi QƯnh án dân sự huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang, sau khi đối trừ bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 18.054.940đồng:

- Miễn án phí DSSTcho ông Lê Văn YT do là người cao tuổi.

5. Án phí DSPT: Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí DSPT.

- Miễn án phí DSPT cho ông Lê Văn YT.

- Do bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí DSPT, xác nhận bà T đã nộp đủ án phí DSPT theo Biên lai thu số: 0000899, ngày 29/9/2025 của Phòng Thi QƯnh án dân sự khu vực 2- Bắc Ninh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND Tỉnh BN
-TAND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THA khu vực 2- BN.
- THA DS tỉnh Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thế Bình

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lê Văn YT phải chịu 7.500.000 đồng; Bà Lê Thị T chịu 2.500.000đồng. Xác nhận bà T đã nộp xong tiền chi phí tố tụng, ông Lê Văn YT phải có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả lại cho bà T số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản mà bà T đã ứng là: 7.500.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 35.488.000đồng án phí DSST. Xác nhận bà Lê Thị T đã nộp 53.542.940 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0001346, ngày 20/12/2024 của Chi cục thi QƯnh án dân sự huyện Việt YT, tỉnh Bắc Giang, sau khi đối trừ bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 18.054.940đồng:

- Miễn án phí DSSTcho ông Lê Văn YT do là người cao tuổi.

5. Án phí DSPT: Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí DSPT.

- Miễn án phí DSPT cho ông Lê Văn YT.

- Do bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí DSPT, xác nhận bà T đã nộp đủ án phí DSPT theo Biên lai thu số: 0000899, ngày 29/9/2025 của Phòng Thi QƯnh án dân sự khu vực 2- Bắc Ninh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng **Nguyễn Việt Hùng** **Đỗ Thế Bình**